

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 944/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ (19 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
2	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
3	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
4	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	
5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	
6	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
7	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	
9	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”
10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
11	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”
12	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
13	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	
14	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	
15	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”
16	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”
17	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”
18	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	
19	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

I. CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công:	TTPVHCC
- Thủ tục hành chính:	TTHC
- Tiếp nhận và trả kết quả:	TN&TKQ
- Quản lý vận tải, phương tiện và người lái:	QLVTPTNL
- Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông:	QLKCHT&ATGT

II. QUY TRÌNH

1. Nhóm 11 TTHC gồm:

1.1. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới;

1.2. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

1.3. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

1.4. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia;

1.5. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia;

1.6. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

1.7. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

1.8. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS;

1.9. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

1.10. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;

1.11. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng QLVTPTNL. 	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVTPTNL	01 giờ
B3	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết). 	Chuyên viên Phòng QLVTPTNL	06 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLVTPTNL	02 giờ
B5	<p>Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý. 	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ.	Văn thư Sở	01 giờ
B7	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi. 	Công chức TN&TKQ tại TPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

2. Nhóm 06 TTHC gồm:

2.1. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia;

2.2. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia;

2.3. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia;

2.4. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào;

2.5. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

2.6. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

(cả 06 TTHC đều thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”).

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: **02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng QLVTPTNL.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVTPTNL	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLVTPTNL	06 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLVTPTNL	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở	02 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	- Ban hành văn bản điện tử. - In kết quả, đóng dấu.	Văn thư/Công chức TN&TKQ	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

3. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

a) Đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 kv trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **04 ngày làm việc x 08 giờ = 32 giờ** (không tính thời gian kiểm tra hiện trường)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng QLKCHT&ATGT.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLKCHT&ATGT	10 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	04 giờ
B5	Xem xét phê duyệt: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			32 giờ

b) Đối với trường hợp phải kiểm tra hiện trường (ngoài trường hợp a nêu trên)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **10 ngày làm việc x 08 giờ = 80 giờ**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng QLKCHT&ATGT.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thực hiện kiểm tra hiện trường và xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLKCHT&ATGT	54 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	08 giờ
B5	Xem xét phê duyệt - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			80 giờ

4. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ.**

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc; thời gian cắt giảm 02 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng QLKCHT&ATGT.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	04 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLKCHT&ATGT	06 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLKCHT&ATGT	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý: - Nếu đáp ứng yêu cầu: Ký duyệt vào văn bản kết quả giải quyết. - Nếu không đáp ứng yêu cầu: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ